

Số: 409/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 12 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh
trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa đào tạo 2019-2022**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Thông tư số 03/2017/BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội "Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng".

Căn cứ Công văn số 106/TCDN-DNCQ ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Tổng cục dạy nghề - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn xây dựng, chuyển đổi chương trình đào tạo theo Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-ĐHPY ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ cao đẳng hệ chính quy ngoài sư phạm theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Trường khoa Khoa Kinh tế Trường Đại học Phú Yên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành *Quản trị kinh doanh* (Mã số : 6340404) trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa đào tạo 2019-2022.

Điều 2. Căn cứ chương trình đào tạo, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *chương trình chi tiết các môn học, mô đun* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình đào tạo được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Đào tạo, Trường khoa Khoa Kinh tế, các phòng, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *My*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 409/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH (Business Administration)

Mã ngành: 6340404

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG

Hình thức đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng cung cấp cho người học những phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp; có khả năng kết hợp kiến thức học thuật, phương pháp quản trị kinh doanh và kỹ năng đã được đào tạo để đáp ứng được vị trí nhân viên kinh doanh hoặc nhân viên Marketing theo yêu cầu của doanh nghiệp trong và ngoài nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Về kiến thức:

- Hiểu kiến thức cơ sở của khối ngành kinh tế và ngành QTKD như Kinh tế học, Tài chính tiền tệ, Kinh tế phát triển, Marketing căn bản, Quản trị học.

- Vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về ngành QTKD, gồm: Quản trị tài chính, Quản trị Marketing, Quản trị nhân lực, Quản trị sản xuất, Quản trị chất lượng vào việc quản lý, kinh doanh sau này;

- Áp dụng kiến thức chuyên sâu về ngành QTKD, gồm: Quản trị doanh nghiệp, Khởi sự doanh nghiệp, Quản trị bán hàng, Quản trị dự án để có thể định hướng nghiên cứu chuyên sâu về ngành đào tạo, có khả năng thích ứng cao trong việc chuyển đổi ngành đào tạo sau này.

1.2.2. Về kỹ năng:

1.2.2.1. Kỹ năng cứng

- Phân tích môi trường kinh doanh và phân tích dữ liệu phục vụ công tác quản trị doanh nghiệp;

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh;

- Tổ chức tuyển dụng, đào tạo và quản lý nhân lực trong tổ chức;

- Tổ chức thực hiện và giám sát hoạt động sản xuất và kiểm soát chất lượng;

- Phân tích và đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.

1.2.2.2. Kỹ năng mềm

- Vận dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản trong hoạt động quản trị như kỹ năng nghiên cứu kinh doanh; kỹ năng phân tích ra quyết định; kỹ năng giao tiếp; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm

- Giải quyết tốt các công việc được giao, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;

- Tổ chức hướng dẫn những người khác thực hiện nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;
- Đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm;
- Sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.2.4. Về thái độ

- Đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp;
- Tôn trọng yêu cầu về bảo vệ bí mật trong quan hệ với đối tác kinh doanh;
- Sẵn sàng phục vụ khách hàng;
- Tham gia tích cực vào hoạt động học tập, rèn luyện sức khỏe để nâng cao năng lực và trình độ.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Công việc có thể đảm nhận như: nhân viên kinh doanh, nhân viên marketing, quản lý nhân sự, quản lý dự án kinh doanh, quản lý bán hàng của doanh nghiệp; khởi sự kinh doanh và quản lý doanh nghiệp

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học: 101 tín chỉ

- Số lượng môn học: 34
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 101 tín chỉ
- Khối lượng các môn chung/đại cương: 525 giờ
- Khối lượng các môn học chuyên môn: 1520 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 782 giờ;
- Thực hành, thực tập: 1175 giờ
- Kiểm tra: 88 giờ

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tổng	Lý thuyết	Thực hành/ bài tập	Kiểm tra
1	Kiến thức giáo dục đại cương	28	525	153	351	21
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	73	1520	629	824	67
2.1	Kiến thức cơ sở	23	360	243	94	23
2.2	Kiến thức ngành	36	730	314	380	36
2.3	Môn học tự chọn	8	160	72	80	8
2.4	Thực tập tốt nghiệp	6	270	0	270	0
Tổng cộng		101	2045	782	1175	88

3. Nội dung chương trình:

Mã HP	Tên môn học	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	525	153	351	21
LC210153	Giáo dục chính trị 1	3	45	30	12	3
LC220172	Giáo dục chính trị 2	2	30	14	14	2

LC230142	Pháp luật	2	30	18	10	2
NG216163	Tiếng Anh 1	3	45	30	12	3
NG216173	Tiếng Anh 2	3	45	30	12	3
NG216182	Tiếng Anh 3	2	30	12	16	2
KC200063	Tin học đại cương	3	75	15	58	2
TC260018	Giáo dục quốc phòng-An ninh	8	165	0	165	0
TC250021	Giáo dục thể chất 1	1	30	2	26	2
Tự chọn: ½ tín chỉ		1	30	2	26	2
TC252071	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	1	30	2	26	2
TC252061	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)	1	30	2	26	2
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	73	1520	629	824	67
II.1	Kiến thức cơ sở	23	360	243	94	23
KT220683	Kinh tế học	3	45	37	5	3
KT220693	Quản trị học	3	45	37	5	3
KT220063	Marketing căn bản	3	45	20	22	3
KT220383	Tài chính- Tiền tệ	3	45	37	5	3
KT220013	Kinh tế phát triển	3	45	37	5	3
TN217033	Toán kinh tế	3	45	20	22	3
LC230112	Pháp luật kinh tế	2	30	28	0	2
KT210903	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3
II.2	Kiến thức ngành	36	730	314	380	36
KT220893	Quản trị Marketing	3	60	27	30	3
KT220903	Quản trị Tài chính	3	60	27	30	3
KT220793	Quản trị chiến lược	3	60	27	30	3
KT220803	Quản trị sản xuất	3	60	27	30	3
KT220813	Quản trị chất lượng	3	60	27	30	3
KT220823	Quản trị nguồn nhân lực	3	60	27	30	3
KT220833	Quản trị Bán hàng	3	60	27	30	3
KT220843	Quản trị dự án	3	60	27	30	3
KT220913	Thuế	3	60	27	30	3
KT220923	Thương mại điện tử	3	60	27	30	3
KT220933	Kế toán doanh nghiệp	3	70	17	50	3
KT220943	Khởi tạo doanh nghiệp	3	60	27	30	3
II.3	Môn học tự chọn: 8/14TC	8	160	72	80	8
KT220642	Giao tiếp trong kinh doanh	2	40	18	20	2
KT220853	Quản trị văn phòng	3	60	27	30	3
KT220863	Quản trị doanh nghiệp	3	60	27	30	3
KT220462	Nghiên cứu thị trường	2	40	18	20	2
KT220873	Quản lý kênh phân phối	3	60	27	30	3
KT220883	Quản trị thương hiệu	3	60	27	30	3
II.4	Thực tập tốt nghiệp					
DT200016	Thực tập tốt nghiệp (9 tuần)	6	270	0	270	0
TỔNG CỘNG		101	2045	782	1175	88

4. Kế hoạch đào tạo

4.1. Học kỳ I: 19 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra	
1	LC210153	Giáo dục chính trị 1	3	45	30	12	3	
2	NG216163	Tiếng Anh 1	3	45	30	12	3	
3	KC200063	Tin học đại cương	3	75	15	58	2	
4	TC250021	Giáo dục thể chất 1	1	30	2	26	2	
5	KT220683	Kinh tế học	3	45	37	5	3	
6	KT220693	Quản trị học	3	45	37	5	3	
7	KT220613	Tài chính tiền tệ	3	45	37	5	3	
Tổng cộng			19	330	188	123	19	

4.2. Học kỳ II: 19 TC (bắt buộc: 16 TC, tự chọn: 3 TC)

TT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra	
- Bắt buộc:			16	255	129	110	16	
1	LC220172	Giáo dục chính trị 2	2	30	14	14	2	
2	NG216173	Tiếng Anh 2	3	45	30	12	3	
3	LC230142	Pháp luật	2	30	18	10	2	
4	KT220063	Marketing căn bản	3	45	20	22	3	
5	TN217033	Toán kinh tế	3	45	20	22	3	
6	KT210903	Nguyên lý kế toán	3	60	27	30	3	
- Tự chọn: 3/6 TC			3	70	20	46	4	
7	TC252071	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	1	30	2	26	2	
8	TC252061	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)	1	30	2	26	2	
9	KT220462	Nghiên cứu thị trường	2	40	18	20	2	
10	KT220642	Giao tiếp trong kinh doanh	2	40	18	20	2	
Tổng cộng			19	325	149	156	20	

4.3. Học kỳ III: 22 TC (bắt buộc: 19 TC, tự chọn: 3 TC)

TT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra	
- Bắt buộc:			19	355	175	161	19	
1	NG216182	Tiếng Anh 3	2	30	12	16	2	
2	KT220013	Kinh tế phát triển	3	45	37	5	3	
3	LC230112	Pháp luật kinh tế	2	30	28	0	2	
4	KT220893	Quản trị Marketing	3	60	27	30	3	
5	KT220803	Quản trị sản xuất	3	60	27	30	3	
6	KT220913	Thuế	3	60	27	30	3	
7	KT220933	Kế toán doanh nghiệp	3	70	17	50	3	
- Tự chọn: 3/6 TC			3	60	27	30	3	
8	KT220213	Quản trị văn phòng	3	60	27	30	3	
9	KT220563	Quản lý kênh phân phối	3	60	27	30	3	
Tổng cộng			22	415	202	191	22	

4.4. Học kỳ IV: 23 TC (bắt buộc: 20 TC, tự chọn: 3 TC)

TT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập	Kiểm tra	
- Bắt buộc:			20	405	108	285	12	
1	KT220903	Quản trị tài chính	3	60	27	30	3	
2	KT220843	Quản trị dự án	3	60	27	30	3	
3	KT220813	Quản trị chất lượng	3	60	27	30	3	
4	KT220823	Quản trị nguồn nhân lực	3	60	27	30	3	
5	TC260018	Giáo dục quốc phòng-An ninh	8	165	0	165	0	
- Tự chọn: 3/6 TC			3	60	27	30	3	
6	KT220263	Quản trị doanh nghiệp	3	60	27	30	3	
7	KT220523	Quản trị thương hiệu	3	60	27	30	3	
Tổng cộng			23	465	135	315	15	

4.5. Học kỳ V: 18 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập				Ghi chú
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thực tập/thí nghiệm/bài tập	Kiểm tra	
1	KT220943	Khởi tạo doanh nghiệp	3	60	27	30	3	
2	DT200016	Thực tập tốt nghiệp (9 tuần)	6	270	0	270	0	
3	KT220923	Thương mại điện tử	3	60	27	30	3	
4	KT220793	Quản trị chiến lược	3	60	27	30	3	
5	KT220833	Quản trị bán hàng	3	60	27	30	3	
Tổng cộng			18	510	108	390	12	

5. Mô tả tóm tắt nội dung cần đạt được của học phần

5.1. Giáo dục chính trị 1

3 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự hình thành và phát triển của Chủ nghĩa Mác - Lênin, những nguyên lý và quy luật cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, những quy luật cơ bản về sự phát triển xã hội, về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, sự ra đời và vai trò của Đảng Cộng sản Việt Nam; nội dung tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, sinh viên học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam

5.2. Giáo dục chính trị 2

2 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản đường lối phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, quốc phòng - an ninh... của Đảng, những thành tựu của Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay, hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

5.3. Pháp luật

2 TC

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Học phần còn đề cập đến các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

5.4. Tiếng Anh 1

3 TC

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp, bổ sung kiến thức căn bản về ngôn ngữ Tiếng Anh; Khái quát, hệ thống các khái niệm, cấu trúc, phạm trù ngữ pháp trong Tiếng Anh; Giới thiệu một số tập quán, phong tục, nét văn hóa trong giao tiếp và lối sống Anh cũng như một số dân tộc khác trên thế giới;

Tiếp tục hình thành, phát triển các kỹ năng giao tiếp cho sinh viên về nghe, nói, đọc, viết; ở đầu trình độ A2 trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn A2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

5.5. Tiếng Anh 2

3 TC

Học phần Tiếng Anh 2 tiếp tục cung cấp, bổ sung kiến thức căn bản về ngôn ngữ Tiếng Anh; Khái quát, hệ thống các khái niệm, cấu trúc, phạm trù ngữ pháp trong Tiếng Anh; Giới thiệu một số tập quán, phong tục, nét văn hóa trong giao tiếp và lối sống Anh cũng như một số dân tộc khác trên thế giới;

Tiếp tục hình thành, phát triển các kỹ năng giao tiếp cho sinh viên về nghe, nói, đọc, viết; ở giữa trình độ A2 trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn A2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam).

5.6. Tiếng Anh 3

2 TC

Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục cung cấp, bổ sung kiến thức căn bản về ngôn ngữ Tiếng Anh; Khái quát, hệ thống các khái niệm, cấu trúc, phạm trù ngữ pháp trong Tiếng Anh; Giới thiệu một số tập quán, phong tục, nét văn hóa trong giao tiếp và lối sống Anh cũng như một số dân tộc khác trên thế giới;

Tiếp tục hình thành, phát triển các kỹ năng giao tiếp cho sinh viên về nghe, nói, đọc, viết; ở cuối trình độ A2 trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn A2 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

5.5. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục - Điền kinh)

1 TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn thể dục phát triển chung, chạy cự ly ngắn, nhảy xa; Hiểu và thực hiện được một số điều luật cơ bản của môn Điền kinh.

5.6. Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)

1 TC

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn bóng chuyền; kiến thức, kỹ thuật cơ bản của môn bóng chuyền;

Học phần trang bị cho sinh viên những chiến thuật của môn bóng chuyền; hiểu biết luật bóng chuyền; vận dụng luật vào thi đấu bóng chuyền.

5.7. Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)

1 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn cầu lông;

Học phần trang bị cho sinh viên những chiến thuật cơ bản của môn cầu lông; hiểu biết luật cầu lông; vận dụng luật vào thi đấu môn cầu lông.

5.8. Tin học đại cương

3 TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

5.8. Kinh tế học

3TC

Môn học này cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế dưới góc độ vi mô và vĩ mô như: các khái niệm, nguyên lý và công cụ của kinh tế cơ bản; Cơ chế vận hành trong nền kinh tế thị trường; Các lý thuyết về hành vi các chủ thể kinh tế trong các loại thị trường; Các biến kinh tế vĩ mô bao gồm tổng sản lượng quốc gia, chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, thất nghiệp...

5.9. Quản trị học

3TC

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát.

5.10. Marketing căn bản

3TC

Môn học này giới thiệu những khái niệm cơ bản về hoạt động marketing, các quan điểm marketing hiện đại, phân loại khách hàng để tìm ra thị trường mục tiêu, tìm hiểu nhu cầu của người tiêu dùng trong từng thị trường. Môn học sẽ cung cấp cho Sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách sản phẩm, giá cả, phân phối và các hoạt xúc tiến, yểm trợ để thỏa mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

5.11. Tài chính- Tiền tệ

3TC

Môn học cung cấp những kiến thức về giải quyết các vấn đề lý luận chung về tài chính, tiền tệ, ngân hàng như tổng quan về hệ thống tài chính quốc gia, các công cụ tài chính chủ yếu. Môn học đi sâu giải quyết những vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến từng lĩnh vực tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính trung gian, hệ thống ngân hàng, vận dụng lý thuyết để giải quyết 1 số tình huống thực tế.

5.12. Kinh tế phát triển

3TC

Môn học giúp sinh viên hiểu biết căn bản về các khái niệm tăng trưởng và phát triển kinh tế; cách tính các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển. Đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ các lý thuyết kinh tế phát triển, lý thuyết về nghèo đói, bất bình đẳng. Kinh tế phát triển là bộ môn quan trọng góp phần giúp người học hiểu được quá trình phát triển, mục tiêu phát triển của một nền kinh tế từ đó đưa ra các phân tích vĩ mô và vi mô ảnh hưởng tới các mục tiêu cụ thể của các cá thể trong nền kinh tế.

5.13. Toán Kinh tế

3TC

Môn học này giúp người học nắm được những kiến thức cơ bản nhất về: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; giới hạn và liên tục của hàm một biến, đạo hàm và vi phân của hàm một biến; thống kê toán học, ước lượng và kiểm định; bài toán quy hoạch tuyến tính và thuật toán đơn hình. Người học giải được các bài tập căn bản thuộc các lĩnh vực: Toán cao cấp, toán kinh tế. Vận dụng được toán học trong giải quyết một số vấn đề thực tiễn. Nắm vững các kiến thức môn học và vận dụng chúng vào các lĩnh vực Kinh tế; Xây dựng các mô hình để mô phỏng, đưa ra thuật toán để giải quyết các vấn đề của cuộc sống; Có khả năng làm việc độc lập; Làm việc theo nhóm và với cộng đồng.

5.14. Pháp luật kinh tế

2TC

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức pháp luật thực định về hầu hết những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh, như về chủ thể kinh doanh, về hợp đồng, về cơ chế giải quyết tranh chấp và về vấn đề phá sản của chủ thể kinh doanh. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng giải quyết các tình huống pháp luật trong thực tế. Học phần đề cập những nội dung chính bao gồm: Những khái niệm cơ bản của pháp luật thực định điều chỉnh các hoạt động kinh doanh như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, chế định hợp đồng, cơ chế giải quyết tranh chấp và vấn đề phá sản.

5.15. Nguyên lý kế toán

3TC

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các nguyên lý kế toán chung và vận dụng nó vào doanh nghiệp, bao gồm: Các khái niệm, và phạm vi của kế toán; Các phương pháp kế toán; Các kỹ thuật ghi chép kế toán và lập báo cáo tài chính; Các phương pháp tác nghiệp của kế toán như: phương pháp chứng từ và sổ sách kế toán, phương pháp tổng hợp và cân đối kế toán; Các hình thức kế toán; Các nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp.

5.16. Quản trị Marketing

3TC

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Quản trị Marketing. Phân tích môi trường kinh doanh và doanh nghiệp. Xác định mục tiêu kinh doanh, chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Phân tích thị trường và lựa chọn phân khúc thị trường phù hợp với mục tiêu kinh doanh của doanh nghiệp. Xác định chiến lược Marketing, chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến. Kiểm tra chặt chẽ các hoạt động xúc tiến bán hàng.

5.17. Quản trị Tài chính

3TC

Môn học quản trị tài chính cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính: Phân tích các chỉ tiêu tài chính, phân tích rủi ro tài chính, xác định cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn.

5.18. Quản trị chiến lược

3TC

Môn học này giới thiệu tổng quan về chiến lược, kinh doanh, doanh nghiệp, những kiến thức kỹ năng cơ bản về phân tích môi trường kinh doanh. Những kiến thức về hoạch định chiến lược và lập kế hoạch phát triển doanh nghiệp, nghiên cứu thị trường, những kỹ thuật phân tích và lựa chọn chiến lược kinh doanh, xây dựng chiến lược kinh doanh từ chiến lược cấp công ty, đến chiến lược cấp chức năng, tổ chức triển khai thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm tra giám sát quá trình thực hiện chiến lược, phân phối và điều chuyển nguồn lực trong doanh nghiệp.

5.19. Quản trị sản xuất

3TC

Môn học cung cấp những nội dung cơ bản về công tác hoạch định và tổ chức quá trình sản xuất trong doanh nghiệp; trình bày các nguyên tắc và phân tích quá trình ra quyết định cho một hệ thống sản xuất tối ưu. Môn học tập trung nghiên cứu khái niệm, vai trò, phương pháp thực hiện các nội dung: dự báo cầu sản phẩm, thiết kế hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ, hoạch định năng lực sản xuất, lựa chọn địa điểm, bố trí mặt bằng sản xuất, lập kế hoạch nguyên vật liệu, quản trị chất lượng, điều độ và kiểm soát hệ thống sản xuất.

5.20. Quản trị chất lượng

3TC

Trong quá trình hội nhập, thị trường thế giới không ngừng mở rộng và trở nên tự do hơn. Quá trình này làm phát sinh những quy tắc, trật tự mới trong thương mại quốc tế. Khi các hàng rào thuế quan được gỡ bỏ, những hàng rào kỹ thuật (Technical Barriers to Trade – TBT) xuất hiện. Để vượt qua TBT, hàng hoá phải có chất lượng cao, giá cả phù hợp, thỏa mãn nhu cầu người tiêu dùng đồng thời phải bảo vệ môi trường. Vấn đề quản trị chất lượng trở nên quan trọng mang ý nghĩa sống còn đối với các doanh nghiệp. Nội dung môn học này sẽ cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng như: Chất lượng sản phẩm; Quá trình phát triển của quản trị chất lượng, chi phí chất lượng; Mối quan hệ giữa chất lượng với năng suất và sức cạnh tranh; Các Hệ thống quản lý chất lượng; Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế; Kiểm tra và đánh giá chất lượng; Các phương pháp và công cụ thống kê sử dụng trong quản trị chất lượng.

5.21. Quản trị nguồn nhân lực

3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kinh nghiệm của thế giới và Việt Nam, chủ yếu về quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp bao gồm: Hiểu đầy đủ vai trò, chức năng của công tác quản trị nguồn nhân lực nhằm đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng những mục tiêu yêu cầu của tổ chức; Nắm được tác động và ràng buộc của các loại môi trường, pháp luật công nghệ cạnh tranh...đối với công tác quản trị nguồn nhân lực và những nội dung cơ bản của quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức và doanh nghiệp

5.22. Quản trị Bán hàng

3TC

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo chuyên ngành quản trị kinh doanh tổng hợp, bao gồm các nội dung chủ yếu như: Khái niệm và vai trò của Quản trị bán hàng trong doanh nghiệp; Xây dựng kế hoạch bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức mạng lưới bán hàng của doanh nghiệp; Tổ chức lực lượng bán hàng của doanh nghiệp; Kiểm soát bán hàng của doanh nghiệp; Các hoạt động hỗ trợ bán hàng của doanh nghiệp

5.23. Quản trị dự án

3TC

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về quản trị dự án, từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc dự án. Trong giai đoạn khởi xướng dự án bao gồm các vấn đề như xem xét đánh giá để lựa chọn dự án, thiết kế tổ chức dự án. Trong giai đoạn tổ chức thực hiện dự án bao gồm việc lập kế hoạch, lập tiến độ dự án, phân bổ nguồn lực, giám sát và kiểm soát quá trình thực hiện dự án. Và giai đoạn cuối cùng là kết thúc dự án.

5.23. Thuế

3TC

Môn học thuế cung cấp sự hình thành và phát triển của hệ thống thuế ở Việt Nam, tổng quan về thuế, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp để làm cơ sở tiếp thu kiến thức cơ bản về thuế và có thể vận dụng tốt vào công việc thực tế khi ra trường.

5.25. Thương mại điện tử

3TC

Môn học này cung cấp những kiến thức về thương mại điện tử: các khái niệm, các mô hình thương mại điện tử, Internet và các dịch vụ trên Internet, ứng dụng công nghệ thông tin và thương mại điện tử trong doanh nghiệp, cách thức duy trì và phát triển website thương mại điện tử, tiếp thị điện tử, thanh toán qua mạng, các vấn đề bảo mật và an ninh trên mạng.

5.26. Kế toán doanh nghiệp

3TC

Môn học này cung cấp những kiến thức chuyên môn chủ yếu về kế toán doanh nghiệp như: Sự vận động của các loại tài sản, vật tư, tiền vốn trong doanh nghiệp. Thông qua hệ thống tài khoản và phương pháp ghi chép vào các tài khoản tương ứng, kế toán phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ các hoạt động kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp gồm: Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ; Kế toán tài sản cố định; Kế toán tiền lương và các khoản trích nộp theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành; Kế toán thành phẩm và tiêu thụ; Kế toán mua hàng, bán hàng; Kế toán các nguồn vốn; Lập báo cáo tài chính.

5.27. Khởi tạo doanh nghiệp

3TC

Môn học này trang bị kiến thức và kỹ năng về khởi tạo doanh nghiệp cho sinh viên đại học thuộc ngành Quản trị kinh doanh. Môn học cung cấp những kiến thức cần thiết để sinh viên có thể tổng hợp và lập nên bản kế hoạch khởi sự kinh doanh hoặc tái lập doanh nghiệp thông qua mô tả về hình thức doanh nghiệp, xác định mục tiêu kinh doanh, phân tích thị trường, lên kế hoạch marketing và vận hành doanh nghiệp, dự kiến vốn cần thiết

và đánh giá khả năng sinh lợi...Việc thu thập thông tin để thực hiện kế hoạch kinh doanh giúp sinh viên nhận dạng sự liên kết giữa các môn học trong chương trình đào tạo, sự phối hợp giữa các bộ phận phòng ban trong doanh nghiệp, và mối quan hệ giữa lý thuyết với thực tiễn.

5.28. Giao tiếp trong kinh doanh

2TC

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, đặc biệt là giao tiếp trong kinh doanh như: Nội dung và hình thức giao tiếp; bản chất xã hội và hiệu quả của giao tiếp; các đặc điểm trong giao tiếp xã hội và giao tiếp trong kinh doanh; những nguyên tắc và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp phục vụ cho công việc kinh doanh

5.29. Quản trị văn phòng

3TC

Môn học Quản trị Văn phòng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết trong quá trình quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng, nhấn mạnh đến hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh). Đồng thời qua học phần sinh viên còn được trang bị những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng. Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.

5.30. Quản trị doanh nghiệp

3TC

Môn học Quản trị doanh nghiệp mô tả các vấn đề về doanh nghiệp, chức năng nhiệm vụ và quản trị cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, hoạch định chương trình của Quản trị doanh nghiệp. Đồng thời học phần đi sâu vào một số nghiệp vụ quản trị cụ thể như: quản trị lao động, tiền lương, quản trị nhân sự, kỹ thuật - công nghệ, chi phí, kết quả, chính sách tài chính và công tác kiểm soát trong doanh nghiệp.

5.31. Nghiên cứu thị trường

2TC

Môn học này giúp cho sinh viên hiểu được quá trình thực hiện và báo cáo nghiên cứu thị trường đáp ứng nhu cầu công việc của nhân viên kinh doanh.

5.32. Quản lý kênh phân phối

3TC

Môn học cung cấp những kiến thức về quản trị kênh phân phối bao gồm tổng quan về kênh phân phối và quản trị kênh phân phối, môi trường kênh phân phối, chiến lược kênh phân phối, quyết định thiết kế kênh phân phối, quyết định dòng phân phối vật chất, quản lý điều hành và kiểm soát kênh phân phối

5.33. Quản trị thương hiệu

3TC

Môn học cung cấp những kiến thức về những vấn đề chính của thương hiệu và quản trị thương hiệu, bao gồm quan điểm về một số vấn đề cơ bản của thương hiệu, xây dựng thương hiệu mạnh và các công cụ quảng bá thương hiệu. Trình bày những vấn đề về quản trị quá trình xây dựng thương hiệu như chức năng quản trị thương hiệu, nhiệm vụ của một quản trị viên thương hiệu, các hoạt động quản trị phát triển thương hiệu, vai trò của quản trị thương hiệu với khách hàng, công ty và cộng đồng.

5.34. Thực tập tốt nghiệp (9 tuần)

6TC

Thực tập tốt nghiệp là đợt thực tập nhận thức tại cơ quan, doanh nghiệp nhằm mục đích tạo điều kiện cho sinh viên hội nhập vào môi trường thực tế của doanh nghiệp vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào công việc thực tế của từng doanh nghiệp, giải quyết các công việc văn phòng biết ứng xử trong các mối quan hệ tại doanh nghiệp. Cuối khóa sinh viên sẽ chọn một doanh nghiệp sẽ đi thực tập. Sinh viên phải viết báo cáo thực tập để được đánh giá kết quả thực tập.

6. Danh sách đội ngũ giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1.	Nguyễn Thị Trang, 1974, TBM. Nguyên lý cơ bản CN Mác-Lênin, Khoa Lý luận chính trị	GV	Ths, Việt Nam, 2009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo dục chính trị 1
2.	Đào Văn Phượng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Giáo dục chính trị 1
3.	Võ Thị Tem, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam 2011	Kinh tế chính trị	Giáo dục chính trị 1
4.	Trần Văn Tàu, 1975, TBM Tư tưởng Hồ Chí Minh, Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Giáo dục chính trị 2
5.	Nguyễn Phi Phượng, 1975, Trưởng Khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật Pháp luật kinh tế
6.	Nguyễn Văn Hoàng, 1967, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2003	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 1 Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)
7.	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	Giáo dục thể chất	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)
8.	Phan Thị Tuyết Trân, 1977, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1999	Anh Văn	Tiếng Anh 1, 2
9.	Huỳnh Thị Xuân Hòa, 1975, Viên chức Phòng Đào tạo	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2000	Anh Văn	Tiếng Anh 3
10.	Lê Thị Kim Anh, 1987, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Mạng và truyền thông	Tin học đại cương
11.	Đinh Thị Như Quỳnh, 1986, Phó Trưởng khoa Kinh tế	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	Quản trị nguồn nhân lực Quản trị sản xuất
12.	Đỗ Thị Phương Uyên, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	Quản trị chiến lược Quản trị dự án
13.	Nguyễn Thị Xuân Nhị, 1988, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	Quản trị doanh nghiệp Quản trị văn phòng
14.	Nguyễn Thành Huân, 1988, Viên chức Khoa Lý luận chính trị	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển Nghiên cứu thị trường

15.	Phùng Xuân Lễ, 1983, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2015	Toán giải tích	Toán kinh tế
16.	Lương Tấn Thu, 1979, Phó Trưởng khoa Phụ trách Khoa Kinh tế	GV	Ths, Thụy Điển, 2011	Kế toán tài chính, QTKD Quản lý Công	Nguyên lý kế toán Thương mại điện tử
17.	Võ Thị Thúy Hằng, 1982, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2015	Kế toán	Thuế Quản trị tài chính
18.	Hoàng Tuấn Sinh, 1984, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Kế toán	Kế toán doanh nghiệp Kinh tế học
19.	Võ Thị Tâm, 1985, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	Quản trị kênh phân phối Quản trị Marketing
20.	Nguyễn Nữ Quỳnh Đoàn, 1988, Viên chức Phòng công tác HSSV	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Kinh tế nông nghiệp	Khởi tạo doanh nghiệp Quản trị thương hiệu
21.	Phan Thị Lan, 1979, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam	Tâm lý	Giao tiếp trong kinh doanh
22.	Lương Thị Mai Loan, 1987, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2016	Kế toán	Tài chính tiền tệ

6.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần, môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Ngô Thị Ánh, 1975, Phó trưởng khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Kinh tế Hồ Chí Minh	GV	TS, Việt Nam, 2005	Quản trị kinh doanh	Quản trị chất lượng
2	Võ Hồng Diễm, 1989, Giảng viên Đại học Tây Nguyên	GV	NCS, Newzealand	Quản trị kinh doanh	Quản trị bán hàng
3	Lê Kim Long, 1974, Phó Khoa Kinh tế, Trưởng BM QTKD, Trường Đại học Nha Trang	GV	TS, Na-Uy, 2009	Kinh tế	Quản trị dự án
4	Trần Thị Dung Linh, 1978, Phó Trưởng khoa Tài chính, Học viện Ngân Hàng Phú Yên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Tài chính, Ngân hàng	Marketing căn bản

7. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

7.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng.

- Phòng máy Khoa Kinh tế có 30 máy để phục vụ cho học sinh các ngành trong khoa thực hành theo từng học phần.
- Máy tính xách tay, máy chiếu, Projector phục vụ cho giảng dạy, học tập, thực hành, thực tập của giảng viên và học sinh.
- Cơ sở thực hành thực tập cho sinh viên gồm: 3 khu công nghiệp trong tỉnh, và các công ty, doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

7.2. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Phú Yên: Có đủ các loại sách tham khảo, giáo trình, bài giảng về kinh tế, quản trị kinh doanh, thương mại, ngoại thương, Tài chính tiền tệ, Tài chính kế toán, Kế toán doanh nghiệp,... và các loại tài liệu tham khảo về chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

7.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo:

TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho học phần/môn học
1.	Giáo trình Chính trị	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lao động - Xã hội	2018		Giáo dục Chính trị 1
2.	Giáo trình Chính trị	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lao động - Xã hội	2018		Giáo dục Chính trị 2
3.	Giáo trình Pháp luật	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Lao động - Xã hội	2016		Pháp luật
4.	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh (Chủ biên)	Đại học Sư phạm Hà Nội	2004		Giáo dục thể chất 1
5.	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn	Đại học Sư phạm	2004		Giáo dục thể chất 2
6.	Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải – Đào Chí Thành	Đại học Sư phạm	2004		Giáo dục thể chất 3
7.	-New English File, Elementary Student's Book, - New English File Elementary, Workbook,	Clive Oxenden, Christina Latham - Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press.	2004		Tiếng Anh 1, 2, 3

	Oxford University Press					
8.	[1]. <i>Giáo trình tin học đại cương</i> [2]. <i>Tin học văn phòng Microsoft Office</i>	Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiền	Lao động – Xã hội Thời Đại	2012 2014		Tin học đại cương
9.	Giáo trình Kinh tế vi mô	TS. Lê Bảo Lâm	Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2010	10	Kinh tế học
10.	Giáo trình Kinh tế vĩ mô	TS. Trần Ngọc Anh Thư & Phan Nữ Thanh Thủy	Trường ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2010	10	Kinh tế học
11.	Quản trị chiến lược phát triển vị thế cạnh tranh	Nguyễn Hữu Lam (Chủ biên), Đinh Thái Hoàng, Phạm Xuân Lan	Thống kê	2007	10	Quản trị chiến lược
12.	Quản trị nguồn nhân lực	Trần Kim Dung	Thống kê	2006	10	Quản trị nguồn nhân lực
13.	Kỹ năng và quản trị bán hàng	Lê Đăng Lãng	Thống kê	2009	10	Quản trị bán hàng
14.	Giáo trình Quản trị học	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh-Khoa Quản trị kinh doanh	Phương Đông	2010	10	Quản trị học
15.	Giáo trình Quản trị dự án	Trịnh Thùy Anh	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh	2010	10	Quản trị dự án
16.	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	Lê Văn Tâm	Thống kê	2005	10	Quản trị doanh nghiệp
17.	Quản trị văn phòng.	PGS.TS Nguyễn Minh Tuấn, TS Nguyễn Nam Hà, TS Đặng Công Tráng, Ths Nguyễn Thị Ngọc Bình	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh	2011	10	Quản trị văn phòng

18.	Nhập môn tài chính tiền tệ	PGS.TS Sử Đình Thành –TS Vũ Thị Minh Hằng	Lao động	2008	10	Tài chính – Tiền tệ
19.	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	PGS.TS Nguyễn Ngọc Huyền	Đại học Kinh tế quốc dân	2012	10	Khởi tạo doanh nghiệp
20.	Quản trị sản xuất và dịch vụ (Lý thuyết và Bài tập)	GS.TS Đồng Thị Thanh Phương	Thống kê	2005	10	Quản trị sản xuất
21.	Giáo trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế	TS. Lưu Thanh Tâm	Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh	2008	10	Quản trị chất lượng
22.	Nghiên cứu thị trường,	Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang	Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2015	10	Nghiên cứu thị trường
23.	Kinh tế phát triển	Nguyễn Trọng Hoài và cộng sự	Lao động	2010	10	Kinh tế phát triển
24.	Toán cao cấp – Đại số tuyến tính	Lê Sỹ Đồng	Giáo dục	2006	10	Toán kinh tế
25.	Lý Thuyết xác suất thống kê	Hoàng Ngọc Nhậm	ĐH Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2009	10	Toán kinh tế
26.	Quy hoạch tuyến tính	Phí Mạnh Ban	Giáo dục	2005	10	Toán kinh tế
27.	Nguyên lý kế toán	Nguyễn Văn Việt	Lao Động	2008	30	Nguyên lý kế toán
28.	Bài tập Nguyên lý kế toán	Võ Văn Nhị	Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2010	30	Nguyên lý kế toán
29.	Giáo trình thuế 1	TS.Lê Quang Cường	Lao động	2012	20	Thuế
30.	Quản trị tài chính căn bản	PGS.TS. Nguyễn Quang Thu	Lao động	2011	10	Quản trị tài chính
31.	Giáo trình Kế toán tài chính, Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh	PGS. TS. Võ Văn Nhị	Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	2015	30	Kế toán doanh nghiệp
32.	Sách kế toán tài chính trong doanh nghiệp – Lý thuyết và Thực hành	PGS.TS. Trần Mạnh Dũng	Đại học Kinh tế Quốc dân	2018	30	Kế toán doanh nghiệp
33.	Marketing căn bản	PGS TS Trần Minh Đạo	Đại học Kinh tế quốc dân	2014	30	Marketing căn bản

34.	Quản trị Marketing	PGS.TS. Lê Thế Giới, TS. Nguyễn Xuân Lân cùng nhóm biên soạn	Tài chính	2011	20	Quản trị Marketing
35.	Thương mại điện tử	TS. Nguyễn Hoài Anh, CN. Ao Thu Hoài	Thông tin và truyền thông	2011	20	Thương mại điện tử
36.	Quản trị thương hiệu	TS. Phạm Thị Lan Hương, PGS.TS. Lê Thế Giới, TS. Lê Thị Minh Hằng	Tài chính	2014	20	Quản trị thương hiệu
37.	Kỹ năng giao tiếp, thương lượng trong kinh doanh	TS. Thái Trí Dũng	Thống kê	2012	10	Giao tiếp trong kinh doanh
38.	Nghệ thuật đàm phán	Ths. Nguyễn thị Thu	Giao thông vận tải	2012	10	Giao tiếp trong kinh doanh
39.	Quản trị kênh phân phối	TS. Đào Thị Minh Thanh, Nguyễn Quang Tuấn	Tài chính	2010	20	Quản trị kênh phân phối

7.4. Danh mục giáo trình, tài liệu tham khảo của ngành đào tạo:

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xb	Số bản	Sử dụng cho học phần/môn học
1.	Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Giáo dục chính trị 1
2.	Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Giáo dục chính trị 2
3.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị quốc gia	2016		Giáo dục chính trị 2
4.	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị Quốc gia,	2012		Pháp luật
5.	- Luật bóng chuyền - Giảng dạy kỹ thuật bóng chuyền - Huấn luyện kỹ - chiến thuật Cầu lông hiện đại	Nguyễn Viết Minh, Hồ Đắc Sơn Nguyễn Hạc Thúy	- Đại học Sư phạm - Thể dục thể thao	2004 1995 2001		Giáo dục thể chất 2
6.	Luật Điền kinh		Thể dục thể thao	1997		Giáo dục thể chất 1

7.	- <i>English Knowhow 1 - Elementary</i> - <i>New Headway English Course, Elementary</i>	Therese Naber & Angela Blackwell John and Liz Soars	Oxford University Press	2005 2007		Tiếng Anh 1, 2
8.	Bài tập Kinh tế vi mô	Nguyễn Như Ý	Trường ĐH Kinh tế Tp HCM	2007	10	Kinh tế học
9.	Kinh tế vĩ mô	Dương Tấn Diệp	Thống kê	2007	10	Kinh tế học
10.	Giáo trình Quản trị chiến lược	TS. Lại Xuân Thủy	Trường ĐH Huế	2012	10	Quản trị chiến lược
11.	Quản trị chiến lược	GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2011	10	Quản trị chiến lược
12.	Giáo trình quản trị nhân sự	Nguyễn Thành Hội	Thống kê	2001	10	Quản trị nguồn nhân lực
13.	Quản trị tác nghiệp DNTM	Lê Quân, Hoàng Văn Hải	Thống kê	2010	10	Quản trị bán hàng
14.	Quản trị học	TS. Phan Thị Minh Châu	Phương Đông	2010	10	Quản trị học
15.	- Luật doanh nghiệp, 2005 - Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Nguyễn Đình Kiệt	Tài chính	2008	10	Quản trị doanh nghiệp
16.	- Nghiệp vụ thư ký văn phòng và tổ chức	Học viện hành chính quốc gia	Thống kê	2013	10	Quản trị văn phòng
17.	Quản trị dự án	TS. Nguyễn Cao Thắng	Thống kê	2004	10	Quản trị dự án
18.	Lý thuyết chung về thị trường tài chính, ngân hàng và chính sách tiền tệ	Nguyễn Văn Ngọc	Đại học Kinh tế Quốc dân	2009	10	Tài chính – Tiền tệ
19.	Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ	PGS.TS. Nguyễn Đăng Đòn	Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2010	10	Tài chính – Tiền tệ
20.	Tiền tệ, ngân hàng, thị trường tài chính	Lê Văn Tư	Thống kê	2001	10	Tài chính – Tiền tệ
21.	Khởi nghiệp kinh doanh	Lưu Đan Thọ & các tác giả	Tài chính	2012	10	Khởi tạo doanh nghiệp
22.	Giáo trình Quản trị sản xuất và Tác nghiệp	TS. Trương Đoàn Thế	Lao động – Xã hội	2007	10	Quản trị sản xuất

23.	Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp	TS. Trần Đức Lộc, TS. Trần Văn Phùng	Tài chính	2008	10	Quản trị sản xuất
24.	Giáo trình Quản trị chất lượng	Tạ Kiều An và nhóm tác giả	Thống kê	2008	10	Quản trị chất lượng
25.	- Bài tập Quản trị chất lượng	Tạ Kiều An và nhóm tác giả	Thống kê	2008	10	Quản trị chất lượng
26.	Xác suất thống kê	Đinh Văn Găng	Giáo dục	2000	10	Toán kinh tế
27.	Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	2014	10	Nguyên lý kế toán
28.	Thông tư Số: 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC.	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	2016	10	Nguyên lý kế toán
29.	Luật Kế toán năm 2015	Quốc hội	Quốc hội	2015	10	Nguyên lý kế toán
30.	Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	2017	10	Nguyên lý kế toán
31.	Quyết định 595/QĐ-BHXH Và Công văn 2159/BHXH-BT của BHXH Việt Nam áp dụng từ ngày 01/6/2017	BHXH Việt Nam	BHXH Việt Nam	2017	10	Nguyên lý kế toán
32.	Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế thu nhập cá nhân, luật thuế tiêu thụ đặc biệt, chính sách thuế mới nhất	Quý Lâm	Tài chính	2018	78	Thuế

33.	Chính sách thuế - Hướng dẫn quyết toán thuế và quy trình công khai các bước giải quyết khiếu nại tại cơ quan thuế các cấp	Quý Lâm	Tài chính		49	Thuế
34.	Thuế và kế toán thuế Việt Nam	TS. Phạm Đức Cường	Tài chính	2016	10	Thuế
35.	Thuế, Lý thuyết, bài tập và bài giải	Th.S Nguyễn Thị Mỹ Linh	Kinh tế TP.HCM	2012	3	Thuế
36.	Câu hỏi và bài tập quản trị tài chính	TS. Nguyễn Văn Thuận	Thông Kê	2016	10	Quản trị tài chính
37.	Nhà quản lý tài chính cần biết	Nguyễn Hữu Ngọc	Đại học kinh tế quốc dân Hà Nội	2017	10	Quản trị tài chính
38.	Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	2014	10	Kế toán doanh nghiệp
39.	Thông tư Số: 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC.	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	2016	10	Kế toán doanh nghiệp
40.	Luật Kế toán năm 2015	Quốc hội	Quốc hội	2015	10	Kế toán doanh nghiệp
41.	Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định	Bộ Tài chính	Bộ Tài chính	2017	10	Kế toán doanh nghiệp
42.	Quyết định 595/QĐ-BHXH Và Công văn 2159/BHXH-BT của BHXH Việt Nam áp dụng từ ngày 01/6/2017	BHXH Việt Nam	BHXH Việt Nam	2017	10	Kế toán doanh nghiệp
43.	Marketing căn bản	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh,	Lao Động	2009	10	Marketing căn bản
44.	Marketing căn bản	TS Nguyễn Văn Hùng	Đại học Kinh tế HCM	2014	5	Marketing căn bản

45.	Nguyên lý Marketing	Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Lao Động	2009	5	Marketing căn bản
46.	Các nguyên tắc Marketing trong cạnh tranh toàn cầu	Dương Hữu Hạnh	Lao Động	2007	5	Marketing căn bản
47.	Quản trị Marketing	ThS. Ngô Minh Cách, TS. Đào Thị Minh Thanh	Tài chính	2009	5	Quản trị Marketing
48.	Quản trị Marketing	Philip Kotler	Xã hội	2015	5	Quản trị Marketing
49.	Thương mại điện tử	TS Trần Văn Hòe	Đại học Kinh tế quốc dân	2012	5	Thương mại điện tử
50.	Thương mại điện tử	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải	Tài chính	2014	5	Thương mại điện tử
51.	Thương mại điện tử	TS. Nguyễn Văn Hùng	Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2013	5	Thương mại điện tử
52.	Quản trị thương hiệu	TS. Bùi Vãng Quang cùng nhóm biên soạn	Lao động Xã hội	2015	5	Quản trị thương hiệu
53.	Quản trị kênh phân phối	PGS.TS. Trương Đình Chiến	Tài chính	2012	5	Quản trị kênh phân phối
54.	Nghiên cứu Marketing	Nguyễn Thị Hoàng Yến	Thông tin và truyền thông	2016	5	Nghiên cứu thị trường
55.	Kinh tế phát triển căn bản và nâng cao	Đình Phi Hồ, Nguyễn Văn Phương	Kinh tế, TP. Hồ Chí Minh	2015	5	Kinh tế phát triển

8. Hướng dẫn sử dụng chương trình.

8.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa.

- Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, trình độ cao đẳng được soạn thảo theo Thông tư số 03/2017/BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội "Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng".

- Chương trình có tổng số 101 tín chỉ; đào tạo trong 2,5 năm; được phân bố trong 5 học kỳ.

- Kế hoạch đào tạo cho các học kỳ được xây dựng có tính chất định hướng (dự kiến), thứ tự đó có thể thay đổi được nếu không vi phạm các yêu cầu đã đề xuất và điều kiện tiên quyết trong chương trình chi tiết. Trên cơ sở khung thời gian, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất phục vụ do nhà trường quy định, sinh viên sẽ đăng ký học các học phần bắt buộc và tự chọn riêng cho mình, xây dựng cho mình một kế hoạch học tập theo sự tư vấn của cố vấn học tập.

- Việc đánh giá kết quả người học, học theo tiến độ nhanh, tiến độ chậm; học cùng lúc hai chương trình; chuyên trường; xét tốt nghiệp... của chương trình được thực hiện theo Quyết định số 480/QĐ-ĐHPY ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc ban hành Quy chế học vụ trình độ cao đẳng hệ chính quy ngoài sự phạm theo hệ thống tín chỉ.

8.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học

Thời gian tổ chức thi, kiểm tra hết môn học, mô đun được thực hiện theo kế hoạch chung của toàn trường đối với mỗi học kỳ cụ thể.

8.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp.

Chương trình được đào tạo theo phương thức tích lũy tín chỉ:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ 101 tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học và kết quả xét công nhận tốt nghiệp để quyết định việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp cho người học theo quy định của nhà trường.



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Định